

Số: **01/CTPH-HNDT-BDT**

Thanh Hóa, ngày **16 tháng 4** năm 2014

CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP
Giữa Hội Nông dân và Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa
giai đoạn 2014 - 2020

Thực hiện Chương trình phối hợp số 951/CTPH-HNDTW-UBDT ngày 11 tháng 10 năm 2013 giữa Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2013 - 2020, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020”, Hội Nông dân và Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa thống nhất ký kết Chương trình phối hợp hoạt động giai đoạn 2014 - 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp hoạt động của Hội Nông dân và Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa trong tuyên truyền, tư vấn cho nông dân các dân tộc miền núi, đặc biệt vùng sâu, vùng xa hiểu biết hơn nữa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung và chính sách dân tộc nói riêng; từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần tích cực sản xuất, tham gia phát triển KT - XH, xóa đói giảm nghèo để có điều kiện cải thiện, nâng cao mức sống về vật chất và tinh thần trong đồng bào dân tộc miền núi của tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020”.

2. Tăng cường công tác nắm bắt thông tin và trao đổi thông tin về tình hình nông dân các dân tộc miền núi và có giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện để nông dân phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho nông dân, giải quyết các vấn đề xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đảm bảo an ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về miền núi, dân tộc thiểu số.

1.1. Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh các chương trình, dự án hỗ trợ nông dân vùng dân tộc thiểu số, miền núi trong thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa gắn với

thị trường; khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

1.2. Phối hợp tổ chức các phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào gia đình nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, tạo động lực thúc đẩy nâng cao hiệu quả các phong trào nông dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh.

1.3. Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, hội viên nông dân về kiến thức công tác dân tộc, công tác Hội Nông dân và các tiến bộ khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất giữa các vùng kinh tế trong tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền, vận động.

2.1. Tuyên truyền, vận động nông dân các dân tộc thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đặc biệt là các chính sách liên quan đến vùng dân tộc miền núi, nhất là vùng đặc biệt khó khăn, chính sách an sinh xã hội; xóa bỏ tư tưởng không muốn thoát nghèo để được hưởng các chính sách ưu tiên, trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; tăng cường ý thức tự vươn lên thoát nghèo, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm 5% hộ nghèo mỗi năm.

2.2. Vận động nông dân các dân tộc thiểu số tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước như: Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; Phong trào xây dựng nông thôn mới; Phong trào nông dân tham gia bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ vững an ninh, chủ quyền biên giới; thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

2.3. Phối hợp triển khai thực hiện đề án “Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số” theo Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phối hợp số 918/CTPH-STP-SNN&PTNT-BDT-HND-HLHPN ngày 22/7/2013 của liên ngành giữa Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh về “Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, nông dân, người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2013 – 2016”.

2.4. Tập trung tuyên truyền, tổ chức cho nông dân các dân tộc miền núi thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII).

3. Trao đổi thông tin về tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn vùng dân tộc, miền núi.

3.1. Hai bên thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là những vấn đề mới nảy sinh ở vùng dân tộc thiểu số, để có các giải pháp hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc miền núi trong tỉnh ngày càng phát triển.

3.2. Thông báo tình hình, kết quả hoạt động công tác của hai ngành, cung cấp các tài liệu có liên quan về tình hình dân tộc và công tác dân tộc, miền núi.

4. Phối hợp xây dựng một số mô hình điểm về xóa đói giảm nghèo trong vùng miền núi dân tộc thiểu số.

4.1. Hỗ trợ nông dân các dân tộc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng; phối hợp với các ban, ngành, doanh nghiệp tổ chức cung ứng, hỗ trợ nông dân về vốn, giống, vật tư giúp nông dân phát triển sản xuất, mở rộng các ngành nghề mới, đào tạo nghề, nâng cao chất lượng lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.

4.2. Lồng ghép các chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số để xây dựng thành dự án, mô hình điểm về phát triển kinh tế; liên kết hợp tác sản xuất hàng hóa; khôi phục, mở rộng phát triển các ngành nghề truyền thống để thu hút nguồn lao động tại chỗ, từ đó nhân rộng ra các địa bàn khác trong vùng.

4.3. Tổ chức xây dựng các mô hình về xóa đói giảm nghèo; nhân rộng các mô hình có hiệu quả, hàng năm tổng kết, đánh giá phong trào gia đình nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi nhằm biểu dương khích lệ phong trào, động viên nông dân dân tộc thiểu số tiêu biểu, xuất sắc.

4.4. Hàng năm hai ngành tổ chức mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, định canh định cư vùng miền núi, dân tộc thiểu số.

5. Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

5.1. Hàng năm tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình dự án ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn như: Chương trình 135; chương trình 30a; chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn vay vốn phát triển sản xuất...

5.2. Hội Nông dân các cấp tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách vùng dân tộc thiểu số; nắm bắt thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tâm tư nguyện vọng và những kiến nghị của nông dân các dân tộc làm cơ sở đề xuất, tham mưu cho Đảng, Nhà nước, cho Tỉnh thực hiện chính sách dân tộc.

5.3. Hàng năm hai ngành tổ chức tổng kết quá trình thực hiện chương trình phối hợp để đánh giá rút kinh nghiệm chỉ đạo và đề xuất các giải pháp nhằm thực

hiện có hiệu quả chính sách dân tộc và kiến nghị bổ sung, sửa đổi chính sách chưa phù hợp với thực tế tại địa phương.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Ban Dân tộc:

1.1. Chỉ đạo, hướng dẫn phòng Dân tộc tham mưu cho UBND các huyện phối hợp với Hội Nông dân huyện ký kết kế hoạch phối hợp hành động thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2014 đến 2020 và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

2.2. Phối hợp với cơ quan chức năng xây dựng cơ chế chính sách, tham mưu bố trí kinh phí và các nguồn lực để thực hiện Chương trình. Xây dựng các chính sách hỗ trợ nông dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường.

2.3. Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Chương trình phối hợp của Phòng Dân tộc và Hội Nông dân huyện. Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể những nội dung đã được hai ngành ký kết phối hợp.

2. Hội Nông dân:

2.1. Chỉ đạo các cấp Hội thực hiện tốt chương trình phối hợp; hướng dẫn Hội Nông dân huyện, thị, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình của tỉnh giai đoạn 2014-2020; thường xuyên giám sát việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; nắm bắt kịp thời những thông tin tình hình phát triển kinh tế xã hội, tâm tư nguyện vọng và những kiến nghị của nông dân các dân tộc làm cơ sở tham mưu cho Đảng, Nhà nước, cho Tỉnh xây dựng và điều chỉnh chính sách dân tộc cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.2. Phối hợp với Ban Dân tộc tổ chức các hoạt động tuyên truyền vận động nông dân thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hàng năm thông qua chỉ đạo công tác Hội và phong trào nông dân, phổ biến tiến bộ KHKT, kinh nghiệm sản xuất, vận động nông dân tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

2.3. Chọn xã để xây dựng mô hình phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Lồng ghép các chương trình, dự án, xây dựng mô hình điểm về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, liên kết hợp tác sản xuất hàng hóa, xóa đói giảm nghèo, mở rộng phát triển ngành nghề truyền thống nhằm tạo việc làm tại chỗ.

2.4. Phối hợp với Ban dân tộc tổ chức các hội nghị sơ, tổng kết chương trình theo đúng định kỳ, biểu dương kịp thời những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện chương trình phối hợp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Nông dân tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh cùng xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp hàng năm.

2. Ban Xã hội Tỉnh hội và Phòng Kế hoạch tổng hợp Ban Dân tộc là đơn vị thường trực, tham mưu, giúp lãnh đạo hai ngành chỉ đạo thực hiện Chương trình này.

- Định kỳ 6 tháng và 9 tháng tổ chức giao ban và cuối năm sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phối hợp.

3. Kinh phí cho hoạt động sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình do hai ngành thống nhất thỏa thuận.

4. Ban Dân tộc tỉnh và Hội Nông dân tỉnh đề nghị các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; tạo điều kiện thuận lợi để chương trình phối hợp đạt kết quả tốt, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc và miền núi của tỉnh.

Chương trình này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, hai ngành cùng trao đổi, thống nhất cách giải quyết./.

**BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**



Lương Văn Tường

**HỘI NÔNG DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Lưu

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc TW;
- TW Hội Nông dân VN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo 2 ngành;
- UBND, HND các huyện, thị, thành phố;
- Các ban, phòng 2 ngành;
- Lưu VP hai ngành.

để b/c